

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Quang;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2014/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn S, huyện T, tỉnh Q;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.

Chị P có mặt, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 03-10-2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-11-2023, Bản tự khai ngày 29-12-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức P có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18-10-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc; đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do anh P không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, vô cớ gây gổ đánh chị nhiều lần; mặc khác giữa chị và anh P có quá nhiều khác biệt trong cách nghĩ và quan điểm sống.

Quá trình chung sống chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được mà mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh P vẫn tiếp tục diễn ra, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay, chị nhận thấy đời sống chung không thể hòa hợp, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh P không thể sống chung với nhau được và vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh P, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 (hai) con chung là:
 - + Cháu Nguyễn Thị Thúy Loan, sinh năm 11/11/2004; hiện nay đã thành niên và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.
 - + Cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/7/2007; hiện nay do anh P đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị giao cháu P cho anh P được chăm sóc, nuôi dưỡng; chị cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Bản tự khai và Biên bản làm việc cùng ngày 05 - 01-2024 bị đơn anh Nguyễn Đức P trình bày:*

- Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân giống như chị P trình bày nêu trên. Tuy nhiên, anh P không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị P ham chơi, đam mê cờ bạc (lô đề). Nay, chị P yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Vợ chồng có với nhau 02 con chung, gồm:
 - + Cháu Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 11/11/2004; hiện nay đã thành niên và đã lập gia đình riêng, nên anh P không yêu cầu giải quyết.
 - + Cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/7/2007; hiện nay do anh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh P yêu cầu Tòa án giao cháu P cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng; anh yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm số tiền 130.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 (trị giá 13.000.000 đồng); tổng cộng là 143.000.000 đồng hiện nay chị P đang giữ, cụ thể: số tiền 143.000.000 đồng là do hai vợ chồng làm ăn, tích lũy; khi chị P bỏ nhà đi đã phá tủ lấy đi. Nay, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn chia hai số tài sản chung nêu trên, chị P phải trả lại cho anh số tiền 71.500.000 đồng.

Ngoài ra, anh P không trình bày và có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật (*Vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa*).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Đức P. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức P cho anh Nguyễn Đức P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về nợ chung: Không có. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đức P và giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Bị đơn anh Nguyễn Đức P có địa chỉ tại: Tổ dân phố , thị trấn S, huyện T, tỉnh Q. Do đó có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Đức P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức P và chị Nguyễn Thị Kim P có tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 18 tháng 10 năm 2004, nên hôn nhân giữa anh P với chị P là hợp pháp.

Mặc dù, anh P và chị P đều trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng khác nhau. Tuy nhiên, cả hai (anh P, chị P) đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau; quá trình giải quyết vụ án anh P đồng ý ly hôn với chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P về việc cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[2.2.1]. Về con chung:

Đối với cháu Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 11/11/2004; hiện nay đã thành niên và đã lập gia đình riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 17/7/2007. Quá trình giải quyết vụ án (*qua đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản làm việc giữa Tòa án với anh P và chị P*), cả hai đều trình bày khi ly hôn giao cháu P cho anh P được nuôi dưỡng. Mặc khác, từ khi anh P, chị P sống ly thân đến nay cháu P do anh Phong trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tại Bản tự khai ngày 16/4/2024, **cháu P** trình bày có nguyện vọng được ở với anh P khi ba, mẹ ly hôn. Do đó, khi anh P và chị P ly hôn cần phải giao cháu P cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của **cháu P** và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; chị P không thống nhất và chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét, hiện nay công việc của chị P không ổn định và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi cháu P là 1.500.000 đồng trên mỗi tháng và thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày không có, bị đơn anh Nguyễn Đức P trình bày vợ chồng có tài sản chung gồm số tiền 130.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 (trị giá 13.000.000 đồng); tổng cộng là 143.000.000 đồng hiện nay chị P đang giữ, cụ thể: số tiền 143.000.000 đồng là do hai vợ chồng làm ăn, tích lũy; khi chị P bỏ nhà đi đã phá tủ lấy đi. Nay, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn chia hai số tài sản chung nêu trên, chị P phải trả lại cho anh số tiền 71.500.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 05 - 01-2024, Thẩm phán đã phân tích, giải thích cho anh P hiểu về các quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, anh P cam kết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày làm việc (05-01-2024) anh sẽ làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo đúng quy định của pháp luật, hết thời hạn cam kết như đã nêu trên mà anh không làm đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng

minh kèm theo thì xem như anh không có yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cũng đã có Thông báo về việc yêu cầu làm đơn khởi kiện cho anh P, nhưng anh P vẫn không thực hiện. Do đó, Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết về tài sản chung khi ly hôn như trình bày của anh P.

[2.4]. Về nợ chung: Anh P và chị P đều trình bày không có.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu; đồng thời chị Nguyễn Thị Kim P là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do đó chị P còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 đồng; tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị P phải chịu là 600.000 đồng.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Đức P.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/7/2007 cho anh Nguyễn Đức P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức P và chị Nguyễn Thị Kim P đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy

định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 600.000 đồng (trong đó gồm án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001857 ngày 14-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; chị P còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21-5-2024), bị đơn anh Nguyễn Đức P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn

